TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày:04-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh
2. Bà Phạm Thị Thu Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị P, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P là ông Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995 và ông Phan Tuấn A, sinh năm 1998. Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2024.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1953

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Trần Xuân K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2024.

Ông P, ông A có mặt. Ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như

tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị P là ông Phan Tuấn A và ông Đỗ Hiệp P cùng trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào tháng 01/2024, bà P có cho bà L vay số tiền 38.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tháng, mục đích vay là hỗ trợ vốn cho con bà L làm ăn, không tính lãi suất. Hết thời hạn trả nợ, bà L không trả được nợ nên xin phụ đóng tiền lãi với lãi suất 1%/tháng và được bà P đồng ý. Bà L đóng tiền lãi được đến tháng 8/2024 là 7 tháng, số tiền 2.660.000 đồng. Việc đóng tiền lãi giữa bà P với bà L không có lập biên bản giao nhận. Đến tháng 9/2024, bà L ngưng không đóng tiền lãi nên viết giấy nợ còn thiếu bà P số tiền 38.000.000 đồng. Bà L hứa đến tháng 10/2024 sẽ trả hết nợ cho bà P. Đến hạn trả nợ, bà P đã nhiều lần yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà L không trả. Đồng thời, bà P biết được bà L đang làm thủ tục tặng cho đất cho con bà để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà P xác định số tiền nợ trong giấy viết tay là tiền vay không phải là tiền hụi như lời trình bày của bà L. Số tiền nợ hụi là khoảng tiền nợ khác, do các dây hụi này chưa mãn nên bà P sẽ khởi kiện tranh chấp hụi với bà L bằng một vụ kiện khác.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 38.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà P yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2024 về việc phong tỏa tài sản của bà L đối với một phần thửa đất số 210, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị L là ông Trần Xuân K vắng mặt nhưng theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án ông K trình bày:

Bà L không có vay tiền của bà P. Bà L chỉ có tham gia chơi hụi do bà P làm chủ hụi, gồm các dây hụi sau:

Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/02/2023 Âl (tháng 2 sau), mãn hụi ngày 20/01/2025, hụi có 24 phần, bà L tham gia 01 phần. Ngày 25/10/2023, bà L hốt hụi và bà P có viết giấy xác nhận số tiền bà hốt hụi là 36.900.000 đồng, trừ tiền thảo 1.000.000 đồng còn lại 35.900.000 đồng. Tháng 9/2024, bà L ngưng đóng hụi nên còn nợ hụi chết là 5 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 10.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 20/02/2023 Âl (tháng 2 sau), mãn hụi ngày 20/02/2025, hụi có 25 phần, bà L tham gia 01 phần. Ngày 25/02/2023, bà L hốt hụi và bà P có viết giấy xác nhận số tiền bà hốt hụi là 17.740.000 đồng (đóng tiền hụi mãn cho bà P 3.000.000 đồng, đóng tiền hụi mới dây hụi 2.000.000 đồng là 1.500.000 đồng), nên bà còn nhận được số tiền là 13.240.000 đồng. Tháng 9/2024, bà L ngưng đóng hụi nên còn nợ hụi chết là 5 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 5.000.000 đồng.

Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui ngày 16/7/2023 Âl, mãn hụi ngày 16/6/2025, hụi có 24 phần, bà L tham gia 01 phần. Ngày 21/5/2024, bà L hốt hụi và bà P có viết giấy xác nhận số tiền bà hốt hụi là 20.530.000 đồng, trừ tiền thảo 500.000 đồng, đống tiền hụi chết cho bà P 2.000.000 đồng nên bà L còn nhận được số tiền là 18.030.000 đồng. Tháng 9/2024, bà L ngưng đóng hụi nên còn nợ hụi chết là 10 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 10.000.000 đồng.

Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khui ngày 16/7/2023 Âl, mãn hụi ngày 16/6/2025, hụi có 24 phần, bà L tham gia 01 phần. Ngày 21/02/2024, bà L hốt hụi và bà P có viết giấy xác nhận số tiền bà hốt hụi là 39.440.000 đồng, trừ tiền thảo 1.000.000 đồng và đóng tiền hụi sống dây hụi 1.000.000 đồng là 800.000 đồng nên bà L còn nhận số tiền là 37.640.000 đồng. Tháng 9/2024, bà L ngưng đóng hụi nên còn nợ hụi chết là 10 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 20.000.000 đồng.

Sau khi bà L ngưng đóng tiền hụi chết, bà P có đến nhà bà L đòi tiền hụi, bà L có hẹn lại bà P 20 ngày sau con bà về sẽ đưa tiền cho bà L đóng tiền hụi. Ngày 01/10/2024, bà L và con bà L có đến nhà gặp bà P để hỏi về số tiền bà L còn nợ hụi bà P. Bà P nói bà không đồng ý tính tiền hụi, bà P đã nhờ luật sư đi kiện rồi nên bà L đi về.

Tờ giấy viết tay có nội dung: Tháng 9 còn thiếu cô P 38.000.000 đồng, tháng 9 ngưng đóng, là do bà L viết và ký tên ngày 24/9/2024 nhưng đây là giấy viết nợ tiền hụi chết không phải là giấy viết vay tiền của bà P. Bà L không có nhận số tiền 38.000.000 đồng nào của bà P theo giấy viết tay nêu trên.

Bà L không có vay tiền của bà P nên không đồng ý trả nợ theo như yêu cầu khởi kiện của bà P. Đối với số tiền hụi chết bà L còn nợ bà P thì bà L đồng ý trả hàng tháng cho đến khi mãn hụi.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị P đối với bà Lê Thị L.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị P số tiền nợ là 38.000.000 đồng. Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà P khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L, cư trú tại Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị L là ông Trần Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông K là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà P yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số tiền nợ vay là 38.000.000 đồng. Theo đó, bà P cho rằng khi hết thời hạn trả nợ bà đã nhiều lần yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà L hứa hẹn nhiều lần không trả nên phát sinh tranh chấp. Còn bà L cho rằng, bà không có vay tiền của bà P, đây là tiền nợ hụi do bà ngưng đóng hụi chết các phần hụi bà đã tham gia của bà P nên bà không đồng ý trả nợ.

[2.2] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy viết tay thể hiện nội dung: Tháng 9 còn thiếu cô P 38.000.000 đồng, tháng 9 ngưng đóng, có chữ ký và viết tên của bà L. Bà L thừa nhận giấy viết tay là do bà viết và ký tên nhưng không thừa nhận đây là tiền nợ vay mà là tiền nợ hụi. Đồng thời, bà L cung cấp các giấy viết tay bà P giao tiền hụi cho bà để chứng minh số tiền 38.000.000 đồng là tiền nợ hụi. Xét thấy, giấy viết tay bà P cung cấp không thể hiện nội dung bà L vay mượn tiền của bà P và các giấy viết tay L cung cấp chỉ thể hiện bà L có tham gia chơi hụi, hốt hụi do bà P làm chủ chứ không chứng minh được số tiền 38.000.000 đồng hai bên thỏa thuận chốt tiền nợ hụi chết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày tháng 9/2024 bà ngưng đóng tiền hụi chết cho bà P nên bà còn nợ tiền hụi chết của bà P các dây hụi 2.000.000 đồng ngày 20/02/2023Al là 10.000.000 đồng; hụi 1.000.000 đồng ngày 20/2/2023Al là 5.000.000 đồng; Hụi 1.000.000 đồng ngày 16/7/2023Al là 10.000.000 đồng và hụi 2.000.000 đồng ngày 16/7/2023Al là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 45.000.000 đồng, số tiền nợ hụi này không trùng khớp với giấy viết tay do bà L viết còn nợ bà P 38.000.000 đồng. Hơn nữa, các dây hụi bà L tham gia đều chưa đến ngày mãn hụi. Mặc khác, bà P trình bày có cho bà L vay tiền nhưng không có lập giấy vay, đến hạn trả nợ bà L không trả được nợ nên xin phụ đóng tiền lãi, bà L đóng lãi được đến tháng 8/2024 thì ngưng nên tháng 9/2024 bà L viết giấy nợ bà P 38.000.000 đồng. Lời trình bày của bà P phù hợp với nội dung giấy viết tay tháng 9 còn thiếu cô P 38.000.000 đồng và bà L cũng thừa nhận giấy viết tay là do bà viết và ký tên. Như vậy, có căn cứ để xác định bà bà L có vay và còn nợ bà P số tiền 38.000.000 đồng. Do bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà P khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả

số tiền nợ vay 38.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà P không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nên trên nên ghi nhận.

[2.3] Về yêu cầu tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Thấy rằng, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2024 đối với một phần thửa đất số 210, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án là cần thiết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên để đảm bảo thi hành án theo như yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Như phân tích nêu trên yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, do bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà P không phải chịu án phí.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị L.

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị P số tiền nợ vay là 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Lâm Thị P không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2024 đối với một phần thửa đất số 210, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L được miễn nộp toàn bộ tiền án phí.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang